

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Nâng cấp
đường giao thông bản Giá, xã Thanh Xuân, huyện Quan Hóa (NQ 30a)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng; số 26/2016/TT-BXD ngày 26 tháng 10 năm 2016 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 09/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 hướng dẫn xác định chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 4886/QĐ-UBND ngày 19/11/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp đường giao thông bản Giá, xã Thanh Xuân, huyện Quan Hóa (Chương trình 30a);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 2008/TTr-SGTVT ngày 22 tháng 5 năm 2020 về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Nâng cấp đường giao thông bản Giá, xã Thanh Xuân, huyện Quan Hóa (Chương trình 30a) và Báo cáo kết quả thẩm định số 1970/SGTVT-TĐKHKT ngày 20 tháng 5 năm 2020, hồ sơ kèm theo; của UBND huyện Quan Hóa tại Tờ trình số 37/TTr-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Nâng cấp đường giao thông bản Giá, xã Thanh Xuân, huyện Quan Hóa (Chương trình 30a), với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Nâng cấp đường giao thông bản Giá, xã Thanh Xuân, huyện Quan Hóa (Chương trình 30a).

2. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Quan Hóa.

3. Mục tiêu đầu tư: Để từng bước hoàn thiện hệ thống giao thông của huyện, cải thiện điều kiện đi lại của nhân dân, tạo điều kiện để nhân dân tiếp cận với trung tâm kinh tế, chính trị của huyện, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội và xóa đói, giảm nghèo trong khu vực.

4. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng

Đầu tư xây dựng 5,13km đạt quy mô đường GTNT miền núi cấp B (theo TCVN10380: 2014), có: chiều rộng nền đường $B_n=4,0m$; chiều rộng mặt đường $B_m=3,0m$, lề đất $B_l=2 \times 0,5m=1,0m$; vận tốc thiết kế $V_{tk}=15km/h$; bán kính đường cong nằm nhỏ nhất $R_{min}=10m$; độ dốc dọc lớn nhất $i_{max}=16\%$; mặt đường bằng BTXM. Công trình thoát nước bằng bê tông và BTCT, tải trọng thiết kế H13-X60; tần suất thiết kế $P=4\%$ đối với nền đường, cống.

5. Phương án xây dựng

5.1. Bình đồ hướng tuyến: Tuyến cơ bản đi theo đường cũ, cắt cong cục bộ một số vị trí để cải thiện bán kính đường cong nằm.

Điểm đầu Km0+00, tại bản Giá; điểm cuối Km5+133,32, tại cửa suối Giá nối vào đường đầu cầu vận hành nhà máy thủy điện Hồi Xuân. Bán kính cong nhỏ nhất $R_{min}=10m$.

5.2. Trắc dọc: Cao độ đường đồ được thiết kế trên cơ sở địa hình và tần suất thủy văn $P=4\%$, các điểm kết nối với nhà dân hai bên đường và điều kiện địa chất, cơ bản chỉ đào hạ cục bộ cho đủ chiều rộng nền đường và cải thiện độ dốc dọc. Độ dốc dọc thông thường $i \leq 13\%$, lớn nhất $i \leq 16\%$.

5.3. Nền đường:

- Nền đắp: Đắp bằng đất đào hạ nền, yêu cầu độ chặt $K \geq 0,95$. Mái ta luy đắp 1/1,5; gia cố mái ta luy bằng trồng cỏ.

- Nền đào: Độ dốc mái taluy đất từ 1/0,75-1/1 và đá từ 1/0,5-1/0,75 (tùy thuộc vào cấp đất, đá).

5.4. Mặt cắt ngang: Bề rộng nền $B_n=4,0m$; bề rộng mặt $B_m=3,0m$, dốc ngang hai mái $i_m=2\%$; lề đất $B_l=2 \times 0,5m=1,0m$, dốc ngang $i_l=4\%$. Tại các vị trí bố trí rãnh dọc mặt đường được mở rộng đến mép rãnh.

5.5. Kết cấu áo đường: bằng BTXM M300 dày 18cm. Bố trí khe co và khe giãn bằng cát khe và chét khe bằng ma tít nhựa; đối với những đoạn có độ dốc dọc lớn $i_d \geq 10\%$ bố trí khe ngang tạo nhám.

5.6. Công trình thoát nước:

a) Thoát nước mặt: bằng chảy toả, và rãnh dọc. Rãnh đất hình thang tiết diện $(40+120)/2 \times 40cm$, rãnh đá tiết diện tam giác chiều sâu 30cm; gia cố lòng rãnh bằng đá hộc xây đối với những đoạn nền đất dễ bị xói lở.

b) Cống thoát nước ngang: Xây dựng mới 12 cống bản khẩu độ 1,5m-3,4m; cấu tạo cống bằng bê tông và BTCT, chiều dài bằng chiều rộng nền đường, móng đặt trên nền đất thiên nhiên và sửa chữa 01 tràn liên hợp hiện có.

5.7. An toàn giao thông: bố trí biển báo tuân thủ QCVN 41:2016/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ.

6. Địa điểm xây dựng: xã Thanh Xuân, huyện Quan Hóa.

7. Diện tích sử dụng đất: Khoảng 4,8 ha.

8. Loại công trình: Công trình giao thông đường bộ, cấp IV.

9. Phương án GPMB: Thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.

10. Tổng mức đầu tư: 25.000.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng).

Trong đó:

- Chi phí GPMB	1.414.000.000 đồng;
- Chi phí xây dựng	19.185.267.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án	454.319.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	1.809.051.000 đồng;
- Chi phí khác	261.455.000 đồng;
- Chi phí dự phòng	1.875.908.000 đồng.

(chi tiết TMĐT có phụ biểu kèm theo)

11. Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn Ngân sách Trung ương của Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và giai đoạn 2021-2025 (hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ) bố trí đảm bảo 90% TMĐT.

- Vốn ngân sách tỉnh, ngân sách huyện Quan Hóa và các nguồn huy động hợp pháp khác đảm nhận 10% TMĐT.

12. Thời gian thực hiện dự án: Từ năm 2019-2021.

13. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

Điều 2. Giao Chủ tịch UBND huyện Quan Hóa tổ chức thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng. Trong quá trình thực hiện tiếp thu các ý kiến của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 1970/SGTVT-TĐKHKT ngày 20 tháng 5 năm 2020.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND huyện Quan Hóa; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, VX.30a53

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Đăng Quyền

PHỤ BIỂU: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Dự án: Đường giao thông bản Giá, xã Thanh Xuân, huyện Quan Hóa (CT 30a)
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: đồng

TT	Nội dung chi phí	Cách tính	Giá trị
I	Chi phí giải phóng mặt bằng	khái toán	1.414.000.000
II	Chi phí xây dựng	dự toán chi tiết	19.185.267.000
III	Chi phí quản lý dự án	2.605% x 17,441,151,818	454.319.000
IV	Chi phí tư vấn đầu tư		1.809.051.000
1	Khảo sát lập báo cáo NCKT	Quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 16/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh	374,918,000
2	Lập báo cáo NCKT		121,600,000
3	Giám sát khảo sát bước NCKT		15,259,000
4	Lập đề cương khảo sát NCKT		11,248,000
5	Khảo sát bước BVTC	tạm tính	360,000,000
6	Lập hồ sơ, cắm cọc GPMB		50,000,000
7	Thiết kế BVTC	1.29% x1,1x 17,441,151,818	247,135,000
8	Giám sát khảo sát bước TK BVTC	4.072% x 360,000,000	14,659,000
9	Lập đề cương khảo sát bước BVTC	3.00% x 360,000,000	10,800,000
10	Lập HSMT, đánh giá HSDT xây lắp	0.265% x1,1x 17,441,151,818	50,820,000
11	Lập HSMT, đánh giá HSDT tư vấn KSTK bước BVTC	0.816% x1,1x 597,395,455	5,362,000
12	Lập HSMT, đánh giá HSDT TVGS	0.816% x1,1x 429,052,727	3,851,000
13	Thẩm định HSMT và KQĐT xây lắp	0.10% x 17,441,151,818	17,441,000
14	Thẩm định HSMT và kết quả đấu thầu tư vấn giám sát	mức tối thiểu	2,000,000
15	Thẩm định HSMT và kết quả đấu thầu tư vấn KS bước TK BVTC		2,000,000
16	Giám sát thi công xây dựng	2.460% x1,1x 17,441,151,818	471,958,000
17	Lập kế hoạch bảo vệ môi trường	tạm tính	50,000,000
V	Chi phí khác		261.455.000
1	Bảo hiểm công trình	0.25% x1,1x 17,441,151,818	47,963,000
2	Phí thẩm định Dự án đầu tư	0.0170% x 25,000,000,000	4,250,000
3	Phí thẩm định thiết kế BVTC	0.106% x 17,441,151,818	18,561,000
4	Phí thẩm định dự toán	0.103% x 17,441,151,818	18,025,000
5	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0.351% x 25,000,000,000	87,656,000
6	Rà phá bom mìn, vật nổ	4,8ha x 17 triệu/ha	85.000.000
VI	Dự phòng		1.875.908.000
1	Cho yếu tố khối lượng	6.0% x 23,039,092,000	1.299.931.000
2	Cho yếu tố trượt giá	2.50% x I+II+III+IV+V	575.977.000
	Tổng mức đầu tư	I+II+III+IV+V+VI	25.000.000.000